

# SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC NHẪM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

ĐỖ THỊ TUYẾT\*

Ngày nhận bài: 30/05/2016; ngày sửa chữa: 30/05/2016; ngày duyệt đăng: 03/06/2016.

**Abstract:** The article introduces some positive teaching methods carried out successfully in many countries such as work discussion, role play, case-study, etc. Author also proposes recommendations to apply these methods in teaching to improve quality of education in Vietnam tertiary education institutions.

**Keywords:** Methods of teaching, tertiary education.

1. Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP của Chính phủ ngày 02/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020 đã xác định: “triển khai đổi mới phương pháp đào tạo theo 3 tiêu chí: *trang bị cách học*; phát huy tính chủ động của người học; *sử dụng công nghệ thông tin và công nghệ truyền thông* trong hoạt động dạy và học; *lựa chọn, sử dụng các chương trình, giáo trình tiên tiến của các nước*” nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Đại hội lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định “Giáo dục là quốc sách hàng đầu. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lí luận gắn bó với thực tiễn. Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển KT-XH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ khoa học - công nghệ, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động” [1; tr 114-115].

Thực hiện mục tiêu trên, đặc biệt là việc áp dụng hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ đối với sinh viên (SV), nhiều trường đại học đang tập trung mọi nỗ lực vào việc xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu và đổi mới phương pháp và phương tiện dạy học, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

Tuy nhiên trong hai năm gần đây, tỉ lệ SV tốt nghiệp các trường đại học thất nghiệp có xu hướng ngày càng tăng. Theo báo cáo của Bộ *Lao động - Thương binh và Xã hội*, trong quý I/2016, đã có 190,9 nghìn SV trình độ đại học trở lên bị thất nghiệp chiếm tỉ lệ 3,94%

(cao hơn cùng kì năm 2015 là 0,01%) [2]. Một trong số nguyên nhân dẫn đến tình hình thất nghiệp của SV ở trên là do bản thân SV thiếu tính tích cực và do nhiều trường chưa chú ý đúng mức đến việc cải tiến phương pháp và thiết bị dạy học, mà có xu hướng chỉ chú ý đào tạo các ngành nghề mà mình đã có sẵn, ít lưu tâm đến những vấn đề mà xã hội đòi hỏi. Đã đến lúc các trường phải chú trọng nhiều hơn đến việc sử dụng các phương pháp dạy học (PPDH) tích cực, nâng cao hiệu quả đào tạo và chất lượng nguồn nhân lực, nhằm đào tạo những con người năng động, thích ứng và góp phần phát triển xã hội.

## 2. Một số PPDH tích cực

PPDH tích cực hướng tới việc hoạt động hóa, tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học - nghĩa là tập trung và phát huy tính tích cực của người học chứ không phải là tập trung vào phát huy tính tích cực của người dạy; là “lấy người học làm trung tâm”, giúp người học rèn luyện quá trình tự học, tự tư duy, cùng trao đổi suy nghĩ, kinh nghiệm, thực hành để giải quyết vấn đề.

PPDH tích cực ở đại học rất đa dạng, song việc áp dụng phù hợp với mục tiêu của từng bài giảng thì không phải giảng viên (GV) nào cũng làm được. Nếu GV có kĩ năng (KN) giao tiếp, nhuần nhuyễn các phương pháp và vận dụng chúng hợp lí, kết hợp đồng thời với phương tiện dạy học phù hợp thì chất lượng bài giảng sẽ có hiệu quả cao.

Sau đây là một số PPDH tích cực đã được một số nước trên thế giới áp dụng thành công nhằm nâng cao tính tích cực, tự giác, chủ động của người học

\* Trường Đại học Công Đoàn

trong đào tạo, “dạy cách học, cách tự học” cho SV mang lại hiệu quả sử dụng ở các trường đại học hiện nay. Đó là:

**2.1. Phương pháp vòng tròn học tập (phương pháp hoạt động nhóm).** Phương pháp này gồm một nhóm nhỏ cùng nhau thảo luận giải quyết vấn đề, thường được áp dụng vì hai lý do: - *Về mặt xã hội*, làm việc theo nhóm tạo điều kiện phát triển quan hệ xã hội giữa người học, phát triển KN giao tiếp giữa các cá nhân; - *Về mặt giáo dục*, phát triển những KN trí tuệ bậc cao như suy luận và giải quyết vấn đề. Đây là phương pháp phát huy tính tích cực của SV và cung cấp các kiến thức sát thực tế nhất; là phương pháp công hiệu, cho phép SV tham gia vào quá trình dạy và học, góp phần khích lệ các hành vi ứng xử xã hội và KN tư duy bậc cao.

Các bước thực hiện:

- **Bước 1: Hình thành nhóm.** Căn cứ vào mục tiêu của chương trình và đối tượng người học, chia thành các nhóm nhỏ (5-10 người), họ sẽ ngồi vòng tròn để cùng thảo luận về các vấn đề liên quan đến chủ đề nghiên cứu. Mọi SV đều bình đẳng như nhau, các kiến thức, kinh nghiệm sẽ được mỗi SV sẽ trao đổi, chia sẻ cùng nhau để giải quyết vấn đề. Trong đó, trưởng nhóm (thường là GV) chịu trách nhiệm tổ chức và điều hành lớp học. GV không tách biệt với các SV về vị thế, kiến thức, vị trí mà ngồi cùng với nhóm, đóng vai trò là một SV lớp học. GV luôn phải linh hoạt, mềm dẻo, biết tạo cơ hội để các SV khác tham gia và làm chủ hoạt động nhận thức.

- **Bước 2: Chọn chủ đề thảo luận.** Sau khi đã tạo thành một nhóm, trưởng nhóm sẽ chủ động, lựa chọn các chủ đề phù hợp để đưa ra thảo luận, trao đổi trong nhóm. Chủ đề thường được xác định trên cơ sở nội dung của chương trình giảng dạy. SV trong nhóm phải có sự chuẩn bị trước về tài liệu, các quan điểm và giải pháp để thảo luận.

- **Bước 3: Thảo luận.** Từng SV sẽ trình bày bài chuẩn bị của mình, các SV khác lắng nghe, nắm bắt nội dung của người phát biểu, từ đó đánh giá đúng sai, bổ sung, tranh luận. Trong quá trình thảo luận, trưởng nhóm phải biết đề xuất, gợi mở để tất cả các SV cùng bày tỏ quan điểm; biết lắng nghe tích cực tất cả các ý kiến; đồng thời cần phân tích những quan điểm đúng - sai, nguồn gốc, bản chất vấn đề mà SV nêu ra; biết đề xuất, gợi mở để tất cả các SV cùng bày tỏ quan điểm; lắng nghe tích cực tất cả các ý kiến, phân tích những quan điểm đúng - sai, nguồn gốc, bản chất vấn đề mà SV nêu ra.

- **Bước 4: Kết luận, đánh giá.** Trưởng nhóm sẽ khái quát lại tất cả nội dung cơ bản mà các SV đã thảo luận, sau đó nhận xét, đánh giá và rút ra cách giải quyết vấn đề hợp lý nhất; giải đáp những thắc mắc của các SV (nếu có), hoặc định hướng cho SV về nhà tiếp tục nghiên cứu.

Phương pháp vòng tròn học tập tạo điều kiện giúp các SV giao tiếp, lắng nghe, trao đổi làm cho kiến thức được “nhân rộng” lên, sau đó các SV đã được đào tạo đem kiến thức của mình tiếp tục nhân rộng với nhiều người khác, bằng việc tạo lập những vòng tròn mới. Có thể dễ dàng tổ chức vòng tròn học tập tại nơi làm việc (hoặc tại nhà, thư viện, quán cà phê, trong lớp học...), tập hợp các SV trong khu vực, trong một đơn vị hoặc theo nhóm sở thích. Bên cạnh đó, phương pháp này tạo điều kiện cho người học được khám phá, chia sẻ kinh nghiệm của mình, được hoạt động tham gia giải quyết vấn đề thay vì thụ động lắng nghe; có sự hợp tác, trao đổi, khai thác tài liệu hiệu quả; được bồi dưỡng KN giao tiếp và KN giải quyết tình huống.

Tuy nhiên, phương pháp này cũng có hạn chế đó là chỉ có thể đào tạo cho các nhóm nhỏ. Bên cạnh đó, nếu trong lớp học, người học không chuẩn bị trước nội dung, không tham gia tích cực và không hiểu bài sẽ gây lãng phí thời gian, hoặc nếu chỉ có thiểu số tham gia tích cực dẫn đến số SV còn lại sẽ bị động và hiệu quả học tập thấp.

**2.2. Phương pháp sắm vai** được sử dụng để dạy những KN hành nghề, nhưng cũng có rất nhiều khả năng có thể xảy ra khi phải dạy và học những KN về mối quan hệ giữa con người. Phương pháp này nếu được sử dụng có hiệu quả sẽ kích thích sự hứng thú tham gia của người học, giúp người học phát triển KN giao tiếp và kinh nghiệm giải quyết tốt các tình huống phức tạp phát sinh trong thực tế.

**2.3. Phương pháp vấn đáp (hỏi - đáp)** nhằm gợi mở cho người học những vấn đề mới, tìm ra những tri thức mới, và những kết luận cần thiết từ những tài liệu đã được học cũng như kinh nghiệm đã tích lũy được trong cuộc sống. Ưu điểm của phương pháp này là tạo không khí lớp học sôi nổi, kích thích người học tích cực, độc lập tư duy và trau dồi khả năng diễn đạt bằng lời cho SV. Tuy nhiên nếu chuẩn bị bài giảng không kĩ, giờ giảng sẽ bị biến thành một cuộc đối thoại giữa GV với cá nhân SV, không thu hút được cả tập thể, ảnh hưởng không tốt đến việc thực hiện kế hoạch giảng dạy.

**2.4. Phương pháp tình huống.** Đây là PPDH thông qua nghiên cứu trường hợp điển hình. Ở đây, người học được giới thiệu một tình huống cụ thể, có thật và được đặt vào vị trí của người ra quyết định để giải quyết vấn đề trong tình huống ấy.

Yếu tố cấu thành chủ yếu của phương pháp này là dựa trên các tình huống thực tế. Mục đích chính của các tình huống là để miêu tả, trao đổi kinh nghiệm về cách thức giải quyết vấn đề và những mâu thuẫn trong khi thực hiện công việc được giao. Bằng những tình huống khác nhau, người học cần phải đưa ra quyết định hoặc kêu gọi sự hỗ trợ của các thành viên cùng nhóm để tìm hướng giải quyết hợp lý. Sự đa dạng của các tình huống được đưa lên không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sáng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp. Yếu tố này làm người học có thể tiếp thu nội dung kiến thức bài giảng dễ dàng, sâu và nhớ lâu hơn các phương pháp giảng dạy truyền thống. Đặc biệt, đối với đối tượng là cán bộ công đoàn, những người phải giải quyết rất nhiều tình huống khác nhau trong công việc sẽ rất hữu ích khi được đào tạo theo phương pháp này.

Các bước cụ thể cần tiến hành:

- *Bước 1: Lựa chọn tình huống.* Tùy vào từng mục tiêu nghiên cứu, GV sẽ đưa ra các tình huống phù hợp với mục tiêu của mình. Tình huống GV đưa vào bài học có thể do GV tự xây dựng hoặc có thể sử dụng tình huống từ nguồn tài liệu khác, nhưng tình huống đó phải bám sát vào nội dung và mang tính thực tiễn cao, thông thường xoay quanh nội dung chương trình.

- *Bước 2: Gọi ý các hướng giải quyết.* GV cần cung cấp các kiến thức về mặt lý thuyết có liên quan đến tình huống đưa ra, giải thích thật chi tiết tình huống để SV hiểu rõ các vấn đề cần giải quyết. Xác định nhiệm vụ và vai trò của SV tham gia vào tình huống đó.

- *Bước 3: Thảo luận tình huống.* Việc thảo luận hoặc báo cáo nhóm cũng được lựa chọn khách quan, trình bày báo cáo hoặc trả lời thảo luận cũng được lựa chọn ngẫu nhiên. Như vậy hạn chế được tình trạng người học cử đại diện hoặc chỉ một vài người tham gia thảo luận nhóm hoặc làm báo cáo. Mỗi SV sẽ đóng góp ý kiến của mình về tình huống đưa ra. Các SV trong các nhóm còn lại có thể trao đổi, thảo luận để phân tích làm rõ thêm những vấn đề đã được nêu ra trong tình huống, giải quyết các câu hỏi khác mà GV đặt ra thêm trong tình huống.

- *Bước 4: GV tổng kết, nhận xét và đánh giá các nhóm, rút ra kết luận các giải pháp có liên quan đến nội dung lý thuyết môn học.* Sau khi ghi nhận các ý kiến của các nhóm, từng SV trong nhóm. GV sẽ dựa vào đó đánh giá vấn đề đang thảo luận và là người chịu trách nhiệm đưa ra kết luận cuối cùng về tình huống đó để giúp SV có thể hiểu rõ hơn cách thức giải quyết của mình.

Những ưu điểm khi sử dụng phương pháp tình huống trong dạy học:

- Nâng cao tính chủ động, sáng tạo và sự hứng thú của SV trong quá trình học. Khác với việc tiếp thu lý thuyết một cách thụ động, khi được giao các bài tập tình huống, các nhóm phải chủ động tìm kiếm và phân tích các thông tin để đi đến giải pháp cho tình huống. Để đáp ứng được yêu cầu này, SV phải chủ động tư duy, thảo luận - tranh luận trong nhóm hay với GV, tìm hiểu thêm về lý thuyết, tài liệu tham khảo để đạt đến giải pháp, nâng cao tính thực tiễn của môn học, vì sau khi đã được cung cấp các kiến thức lý thuyết, một bài tập tình huống sẽ giúp SV có cái nhìn sâu hơn và thực tiễn hơn về vấn đề lý thuyết đã được học. Thông qua việc xử lý tình huống, SV sẽ có điều kiện để vận dụng linh hoạt các kiến thức lý thuyết.

- Các tình huống tốt có tính chất liên kết lý thuyết rất cao. Để giải quyết tốt một tình huống, người học có thể phải vận dụng và điều chỉnh nhiều tập lý thuyết khác nhau. Đây chính là lúc các lý thuyết rời rạc của một môn học được nối lại thành bức tranh tổng thể. Ở mức độ ứng dụng cao hơn, người học không chỉ vận dụng kiến thức của một môn học mà trong nhiều trường hợp phải vận dụng kiến thức của nhiều môn học khác nhau.

- Chính trong quá trình tư duy, tranh luận, bảo vệ và sửa đổi các đề xuất - giải pháp của mình, SV đã tham gia vào quá trình nhận thức. Sự tham gia tích cực đó đã góp phần tạo ra sự hứng thú và say mê học tập, sáng tạo của SV. Đây chính là lúc quá trình dạy và học tập trung vào học phương pháp học, phương pháp tiếp cận, phân tích và tìm giải pháp chứ không chỉ giới hạn ở việc học các nội dung cụ thể.

- Nâng cao KN làm việc nhóm, KN phân tích, giải quyết vấn đề, KN trình bày, bảo vệ và phản biện ý kiến trước đám đông. Lúc này SV tiếp thu được kinh nghiệm làm việc theo nhóm, chia sẻ kiến thức, thông tin để cùng đạt đến mục tiêu chung. Các KN như trình bày, bảo vệ và phản biện ý kiến cũng được hình thành. SV

cũng học được cách tôn trọng và lắng nghe ý kiến của người khác để làm cho vốn kiến thức của mình phong phú hơn.

Tuy nhiên, khi áp dụng PPDH tình huống cũng có những hạn chế sau: nếu các SV trong nhóm không trung thực trong báo cáo bảng chấm công của các SV sẽ dẫn đến một số SV không học tích cực, mặt khác nếu lớp quá đông GV sẽ khó bao quát các nhóm làm việc. Bên cạnh đó, phương pháp này đòi hỏi GV cần phải lựa chọn được tình huống tốt, có tính thực tiễn cao nhưng không quá sức với người học. Việc tổ chức lớp học tham gia giải quyết tình huống cần được chuẩn bị kỹ, nguồn tài liệu phải phong phú và dễ tiếp cận. Câu hỏi được đặt ra cần bám sát với nội dung bài giảng nhưng không được đi ngay vào trọng tâm, vì kết luận hướng người học vào phần trọng tâm sẽ được GV thực hiện vào phần cuối cùng của buổi nghiên cứu tình huống, do vậy đưa đến những đòi hỏi cao đối với GV, nếu GV không có sự chuẩn bị kỹ sẽ khó thành công.

Sử dụng PPDH tích cực vào dạy học bậc đại học là quy luật tất yếu của Việt Nam trước sự phát triển không ngừng của khoa học công nghệ và sự tham gia ngày càng sâu rộng vào quá trình toàn cầu. Nó phù hợp với sự thay đổi phương thức từ cách dạy kiến thức là chủ yếu sang phát triển năng lực, từ việc dạy cái mình có sang dạy cái người học cần; từ truyền thụ kiến thức một chiều sang gợi mở, định hướng phương pháp tiếp thu kiến thức, hướng tới phát triển năng lực, phẩm chất của người học. Đổi mới PPDH phải dựa trên cơ sở các phương pháp truyền thống còn giá trị, tìm cách lựa chọn, bổ sung hợp lý các phương pháp đã có kết hợp với trang thiết bị dạy học hiện đại để tăng quá trình hình thành tri thức, rèn luyện KN và hình thành thái độ tích cực cho người học

\*\*\*

Để đổi mới quản lý PPDH, nhà trường không thể thiếu một đội ngũ cán bộ quản lý, GV đủ về số lượng, phù hợp về cơ cấu và đạt chuẩn của Bộ GD-ĐT. Đội ngũ GV đóng vai trò then chốt trong quá trình đào tạo đó, vì vậy việc nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ này sẽ góp phần quyết định đến chất lượng đào tạo, đến chất lượng nguồn nhân lực của nước ta trước mắt và lâu dài. □

#### Tài liệu tham khảo

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*.

[2] *Bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam*, số 9 quý 1 năm 2016.

[3] Chính phủ (2005). *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP của Chính phủ ngày 02/11/2005 “Về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020*.

[4] Nguyễn Hữu Tri - Nguyễn Phương Mai (2015). *Phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học: Dành cho đào tạo đại học và sau đại học đối với ngành kinh tế - xã hội*. NXB Khoa học xã hội.

[5] Nguyễn Văn Sơn (2012) (chủ biên) - Đàm Khải Hoàn - Trịnh Xuân Tráng. *Phương pháp giảng dạy đại học: Giáo trình sau đại học*. NXB Y học.

## Xây dựng và sử dụng bộ tiêu bản...

(Tiếp theo trang 61)

\*\*\*

Việc xây dựng được bộ TBHV đáp ứng nhu cầu dạy học của GV và SV rất quan trọng trong xu hướng dạy học phát triển năng lực của SV. TBHV cố định là công cụ so sánh, đối chiếu, là cơ sở quan trọng của tự học. Đồng thời, TBHV cố định là phương tiện dạy học quan trọng của người dạy, là công cụ của đánh giá thực một cách khách quan và chính xác. □

#### Tài liệu tham khảo

[1] Hoàng Thị Sản - Nguyễn Phương Nga (2004). *Hình thái - Giải phẫu học thực vật*. NXB Đại học Sư phạm.

[2] Klein, R. M. & Klein, D. T. (1979). *Phương pháp nghiên cứu thực vật*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.

[3] Eltahir, A. S., & AbuEREish, B. I. (2011). *Microscopical Studies on the leaf and petiole of Vernonia amygalina Del*. *Advances in Applied Science Research*, 2(2), 398-406.

[4] Bộ GD-ĐT, Dự án Việt - Bỉ (2010). *Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng*. NXB Đại học Sư phạm.

[5] Nguyễn Ngọc Bảo - Trần Kiểm (2005). *Lí luận dạy học ở trường trung học cơ sở*. NXB Đại học Sư phạm.

[6] Douglas Fiher, Nancy Frey (2007). *Checking for understanding formative Assessment Techniques for your Classroom*. Association for Supervision and Curriculum Development, Alexandria, Viginia USA.

[7] Đinh Quang Báo (chủ biên) - Nguyễn Thanh Bình - Nguyễn Thị Kim Dung - Hà Thị Lan Hương - Vũ Thị Sơn (2015). *Chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.

[8] Robert J.Marzano, Debra J.Pickering, Jane E. Pollock (2011). *Các phương pháp dạy học hiệu quả*. NXB Giáo dục Việt Nam.